TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2023/DS-ST
Ngày 28 - 4 - 2023
V/v tranh chấp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Dũng Liêm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Thái Hoàng Bo.

Ông Nguyễn Văn Hiển.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Cẩm Tú là Thư ký Toà án nhân dân huyện Đầm Dơi.

Ngày 28 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 204/2023/TLST-DS ngày 07 tháng 4 năm 2023 về việc "tranh chấp hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 117/2023/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lâm Phượng L, sinh năm 1971. Địa chỉ: Khóm 2, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Trần Kim T, sinh năm 1972. Địa chỉ: Ấp Tân Đ, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Lâm Phượng L trình bày:

Trước đây bà Trần Kim T có làm đầu thảo mở hụi và bà L có tham gia 06 dây hụi, cụ thể như sau:

- Dây thứ nhất mở ngày 10/7/2006 âl, loại hụi 10.000 đồng, mỗi ngày khui một lần, dây hụi này gồm có 100 chưng, bà L tham gia 10 chưng, đã đóng đủ 100 kỳ với số tiền 10.000.000 đồng nhưng bà T không chung hụi cho bà.

- Dây thứ hai mở ngày 20/7/2006 âl, loại hụi 10.000 đồng, mỗi ngày khui một lần, dây hụi này gồm có 100 chưng, bà L tham gia 05 chưng, đã đóng được 90 kỳ với số tiền 4.500.000 đồng.

- Dây thứ ba mở ngày 30/7/2006 âl, loại hụi 10.000 đồng, mỗi ngày khui

một lần, dây hụi này gồm có 100 chưng, bà L tham gia 02 chưng, đã đóng được 80 kỳ với số tiền 1.600.000 đồng.

- Dây thứ tư mở ngày 20/8/2006 âl, loại hụi 10.000 đồng, mỗi ngày khui một lần, dây hụi này gồm có 100 chưng, bà L tham gia 03 chưng, đã đóng được 60 kỳ với số tiền 1.800.000 đồng.

- Dây thứ năm mở ngày 30/8/2006 âl, loại hụi 10.000 đồng, mỗi ngày khui một lần, dây hụi này gồm có 100 chưng, bà L tham gia 05 chưng, đã đóng được 20 kỳ với số tiền 1.000.000 đồng.

- Dây thứ sáu mở ngày 10/9/2006 âl, loại hụi 10.000 đồng, mỗi ngày khui một lần, dây hụi này gồm có 100 chưng, bà L tham gia 05 chưng, đã đóng được 10 kỳ với số tiền 500.000 đồng.

Tổng số tiền bà T còn nợ bà là 19.400.000 đồng, đã trả được 6.200.000 đồng, còn lại 12.900.000 đồng đến nay chưa trả. Do đó, bà Lâm Phượng L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trần Kim T trả lại số tiền hụi còn thiếu 12.900.000 đồng.

Bị đơn bà Trần Kim T trình bày:

Bà thống nhất với lời trình bày của bà L về việc bà L có tham gia hụi ngày do bà làm chủ hụi, về các dây hụi, ngày mở hụi và số chưng hụi bà L tham gia và thống nhất số tiền hụi còn nợ lại bà L là 12.900.000 đồng theo văn bản chốt nợ ngày 04/11/2008. Bà đồng ý trả số tiền trên cho bà L tuy nhiên bà không có điều kiện trả 01 lần mà bà yêu cầu mỗi tháng trả 500.000 đồng cho đến khi hết nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Trần Kim T có đơn xin xét xử vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với đương sự là đúng quy định.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hụi thuộc thẩm quyền của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Xét yêu cầu trả số tiền 12.900.000 đồng của nguyên đơn, thấy rằng: Yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với văn bản chốt nợ ngày 04/11/2008 thể hiện bị đơn còn thiếu tiền nợ hụi là 12.900.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án bà T thống nhất số tiền còn nợ nguyên đơn và đồng ý trả. Đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ nêu trên là phù hợp với quy định pháp luật, được chấp nhận.

Đối với yêu cầu của bị đơn về việc được trả dần mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi hết nợ, tại phiên tòa nguyên đơn không đồng ý, xét thấy bị đơn thống nhất số nợ còn thiếu đến nay chưa thanh toán nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả toàn bộ số nợ nêu trên là phù hợp.

[4] Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 12.900.000 đồng.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bị đơn phải chịu là: 645.000 đồng.

Nguyên đơn không phải chịu nên được nhận lại toàn bộ số tiền đã dự nộp.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 244, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471 và 688 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Phượng L. Buộc bà Trần Kim T trả cho bà Lâm Phượng L số tiền 12.900.000 đồng (Mười hai triệu chín trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, nếu người phải thi hành án chậm thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu khoản lãi phát sinh tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Lâm Phượng L không phải chịu, hoàn trả lại cho bà L 323.000 đồng (Ba trăm hai mươi ba nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013927 ngày 07 tháng 4 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi.

- Bà Trần Kim T phải chịu 645.000 đồng (Sáu trăm bốn mươi lăm nghìn đồng), (chưa nộp).

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Hồ Dũng Liêm